

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 17-10-2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-11-2022 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 30/2022/TBXX ngày 14-12-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Văn Q, sinh năm 1985

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Chu Văn Q trình bày:

anh và chị Hoàng Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04-6-2008 tại UBND xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Anh và chị T đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Chu Thị T, sinh ngày 02-11-2008 và Chu Minh T, sinh ngày 05-5-2011. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Anh Chu Văn Q được ly hôn chị Hoàng Thị T.

+ Về con chung: Giao hai con chung là Chu Thị T, sinh ngày 02-11-2008 và Chu Minh T, sinh ngày 05-5-2011 cho anh Chu Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Anh Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn chị Hoàng Thị T có nơi cư trú tại thôn Làng Hin Lò, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Anh Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Chu Văn Q và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 04-6-2008 là hôn nhân hợp pháp. Qua xác nhận của UBND xã Yên Thắng, sau khi kết hôn Anh Q và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh Q và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Q, cho Anh Q được ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Anh Q và chị T có hai con chung là Chu Thị T, sinh ngày 02-11-2008 và Chu Minh T, sinh ngày 05-5-2011 hiện đang được Anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn Anh Q đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của Anh Q là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình. Hiện Anh Q và chị T đã ly thân, các con chung đều đang được Anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các con đều có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích, nguyện vọng và đảm bảo sự ổn định cuộc sống của con nên giao hai con chung cho Anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Chu Văn Q được ly hôn chị Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Chu Thị T, sinh ngày 02-11-2008 và Chu Minh T, sinh ngày 05-5-2011 cho anh Chu Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Chu Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh Q đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002507 ngày 17-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Yên Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

